

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

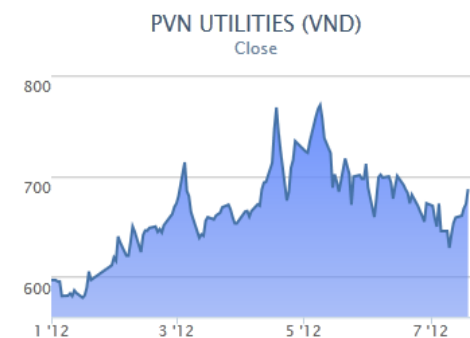
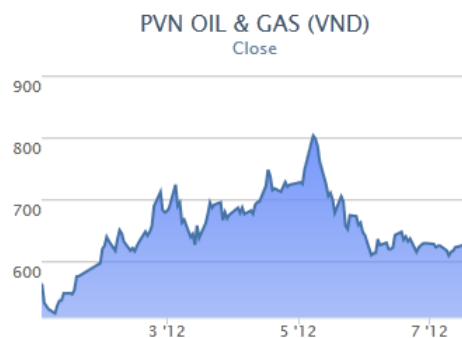


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	842.42	↑37.35	↑ 4.64
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	708.59	↑29.87	↑ 4.4
PVN ALLSHARE	690.06	↑ 28.9	↑ 4.37
PVN ALLSHARE HNX	614.02	↑25.35	↑ 4.31
PVN ALLSHARE HSX	738.34	↑31.21	↑ 4.41
PVN Vật Liệu Cơ Bản	1075.36	↑49.28	↑ 4.8
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	894.37	↑35.21	↑ 4.1
PVN Tài Chính	647.86	↑23.25	↑ 3.72
PVN Công Nghiệp	536.11	↑ 26.1	↑ 5.12
PVN Dầu Khí	654.66	↑27.74	↑ 4.42
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	687.19	↑ 14.9	↑ 2.22

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	428.38 ↑	9.58	2.29%
KLGD (triệu ck)	84.90 ↑	35.50	71.86%
GTGD (tỷ đồng)	1,257.48 ↑	466.77	59.03%
Tổng cung (triệu ck)	160.83 ↑	23.78	17.35%
Tổng cầu (triệu ck)	201.48 ↑	45.60	29.26%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	3.79 ↑	0.00	0.13%
KL bán (triệu ck)	3.42 ↑	0.86	33.81%
Giá trị mua (tỷ đồng)	124.56 ↑	27.40	28.21%
Giá trị bán (tỷ đồng)	115.85 ↑	47.26	68.90%

Nhận định thị trường:

Theo Cục Thống kê Hà Nội, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7 tại thành phố tiếp tục giảm so với tháng trước, giảm 0,29% so tháng trước và tăng 4,64% so với cùng kỳ năm trước. Đây là tháng thứ 3 trong năm chỉ số giá tiêu dùng giảm so tháng trước và cũng là tháng có mức giảm cao nhất từ đầu năm đến nay. Thông tin này cũng cho thấy khả năng CPI cả nước tháng 8 này sẽ có chiều hướng tích cực.

Cập nhật kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP (PVC) thông báo kết quả kinh doanh quý II và 6 tháng đầu năm 2012 của riêng công ty mẹ, theo đó 6 tháng đầu năm 2012 PVC đạt doanh thu 733.61 tỷ đồng và 81,04 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.
- Công ty cổ phần CNG Việt Nam (CNG) thông báo kết quả kinh doanh quý II và 6 tháng đầu năm 2012. Nửa đầu năm nay, CNG đạt 356,96 tỷ đồng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 69,76 tỷ đồng.
- Bên cạnh những doanh nghiệp có kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm với mức lợi nhuận dương, thậm chí tăng trưởng so với cùng kì năm ngoái hoặc có khả năng đạt kế hoạch kinh doanh năm 2012 thì hiện tại cũng đã có khá nhiều doanh nghiệp công bố KQKD 6 tháng với tình trạng lỗ, đáng chú ý như HLA (hợp nhất) lỗ ròng 32,3 tỷ, KLS lỗ ròng 11,5 tỷ và PHS lỗ ròng 36,7 tỷ đồng...

Công Ty CPCI Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

Chỉ số hai sàn bật tăng mạnh kèm theo khối lượng giao dịch đột biến là tín hiệu một phiên breakout khỏi các kháng cự ngắn hạn. Cụ thể, VN-Index cắt qua đường EMA (30) tại mức 421 điểm, còn HNX-Index breakout khỏi kháng cự 72 điểm kèm theo các tín hiệu tích cực từ yếu tố dòng tiền tham gia. Sau phiên tăng mạnh, chỉ số thị trường có thể xuất hiện những đợt điều chỉnh nhỏ, tuy nhiên thị trường đang có những diễn biến tích cực về mặt xu thế. NĐT có thể tận dụng những phiên giảm điểm để tiếp tục tham gia vào thị trường.

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	72.93 ↑	1.93	2.72%
KLGD (triệu ck)	69.35 ↑	30.92	80.47%
GTGD (tỷ đồng)	635.28 ↑	265.98	72.02%
Tổng cung (triệu ck)	73.26 ↑	10.63	16.96%
Tổng cầu (triệu ck)	101.44 ↑	48.48	91.52%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.80 ↑	0.95	111.92%
KL bán (triệu ck)	1.15 ↑	0.52	80.89%
Giá trị mua (tỷ đồng)	19.46 ↑	9.30	91.48%
Giá trị bán (tỷ đồng)	14.52 ↑	5.34	58.19%



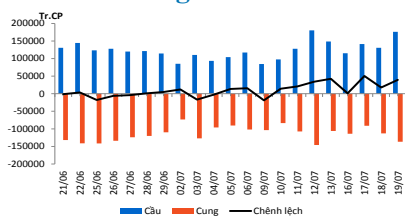
Đồ thị HNX-Index.

Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Một loạt các tín hiệu Buy signal trên các công cụ kỹ thuật ADX (xu thế), TRIX (triple exponential), mid bollinger band, break resistance, VOL and Price break out v.v... cho thấy rằng có thể đây là tín hiệu khởi đầu cho một đợt sóng mới.

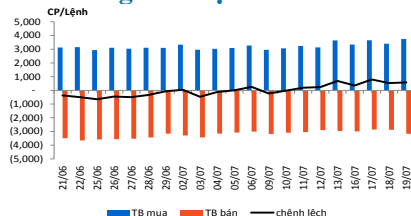
- **TRIX buy signal:** có thể hiểu rằng tín hiệu này chủ yếu mang tính chất khẳng định về mặt xu thế, khi mà 3 đường EMA đã cắt nhau, chỉ số tăng lên tạo một tín hiệu sớm về xu thế tăng. Như vậy sau phiên break out hôm nay, HNX-Index đã chớm bước vào một xu thế tăng mới, chỉ là chưa rõ cường độ tăng và độ dài của sóng tăng.
- **ADX: DI+ cắt lên DI-** tạo tín hiệu tương tự TRIX, và khẳng định yếu tố sức mạnh tăng giá bắt đầu lấn át những phiên giảm điểm.
- **VOL & Price break out** là tín hiệu xác nhận, thương xuất hiện tại các ngưỡng quan trọng hoặc khi chỉ số kết thúc trạng thái cũ (downtrend). Tín hiệu này sẽ làm tăng độ tin cậy của các tín hiệu ngắn hạn phía sau đó.
- **MFI tăng mạnh:** đây là dịch chuyển tích cực và một thể hiện rõ nhất của trạng thái dòng tiền; dòng tiền có chiều hướng tăng trong những phiên HNX tăng, và dòng tiền giảm, áp lực bán giảm trong những phiên điều chỉnh giảm là một đặc trưng của thị trường tăng giá (bullish market). Trong điều kiện lý tưởng, ngay cả khi MFI đến vùng OVER BUY thì công cụ có thể dao động trên vùng đó trong suốt giai đoạn tăng của thị trường.

HSX:

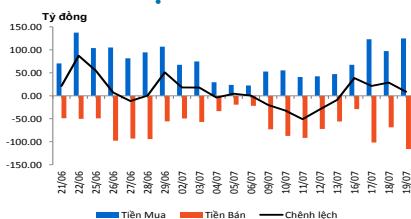
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh

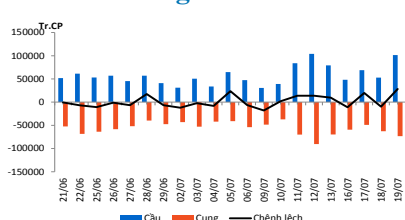
Thị trường tiếp tục khởi sắc trong phiên mở cửa sáng nay, VN-Index giảm nhẹ trong khoảng 15 phút đầu nhưng nhanh chóng bật trở lại và chinh phục thành công ngưỡng 420 điểm. VN-Index tạm thời tăng 1.67 điểm, tức 0.4% lên 420.5 điểm, giao dịch đạt khoảng 6.5 triệu đơn vị, tương đương 88.65 tỷ đồng.

Kết thúc phiên giao dịch buổi sáng, với sự tích cực từ nhóm cổ phiếu lớn, VN-Index tăng nhẹ 1.68 điểm, tương đương 0.4% tạm dừng ở 420.51 điểm. Giao dịch vọt lên 42.67 triệu đơn vị, trị giá 590.8 tỷ đồng.

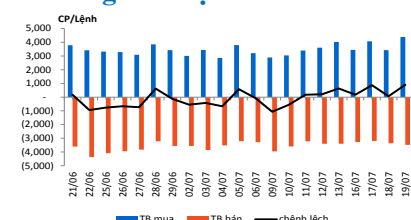
Cuối phiên, VN-Index tăng 9.55 điểm, tương ứng 2.28% lên 428.38 điểm. Đóng góp chủ yếu vào đà tăng này là sự bứt phá của nhóm cổ phiếu trong rổ VN30. Chỉ số này cũng tăng rất mạnh với 8.49 điểm, tức 1.72% lên 502.6 điểm. Trong tổng số 224 mã tăng giá tại HOSE, có gần 100 mã tăng kịch trần. Khác với dòng tiền trong nước, khối ngoại chỉ mua vào khiêm tốn 3.6 triệu đơn vị tại HOSE.

HNX:

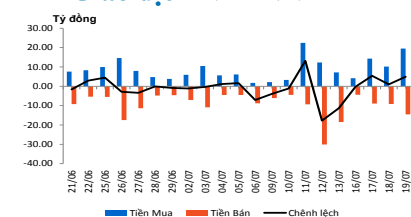
Cung cầu



Trung bình lệnh mua/bán



Giao dịch NĐTNN



Diễn biến thị trường Hà Nội:

Tương tự với sàn HOSE, giao dịch tại HNX cũng đạt khá với sắc xanh trải rộng, với khoảng 70 mã tăng giá, 23 mã giảm. Các bluechips như VND, KLS, PVX, SCR... có mức tăng khá, giúp HNX-Index giữ được mức tăng 0.21 điểm, khoảng 0.32% lên 71.26 điểm. Giao dịch đạt trên 4 triệu đơn vị, tương đương gần 40 tỷ đồng.

Kết thúc phiên sáng, Sàn HNX nhờ lực đỡ khá mạnh từ các mã trụ cột như PVX, KLS, VND, SCR, APS, PVS, BVS, VCG... thị trường đảo chiều tăng trở lại những phút cuối buổi. Với mức tăng 0.27 điểm, tương ứng 0.38%, HNX-Index chinh phục trở lại mốc 71 điểm. Tuy nhiên, giao dịch còn thận trọng với 29 triệu đơn vị, tương đương 263.52 tỷ đồng.

Với gần 240 mã tăng giá, 102 mã tăng kịch trần bao gồm toàn bộ những mã chủ chốt như VND, PVX, KLS, HBB, SCR, VCG, WSS, APS... dư bán được mua hết. Giao dịch mỗi mã đạt vài triệu đơn vị. Cá biệt PVX có khớp lệnh hơn 11.45 triệu đơn vị đã kéo HNX-Index tăng mạnh. Chỉ số này ghi nhận mức tăng 1.9 điểm, tương đương 2.67% lên 72.93 điểm. Khối lượng giao dịch đạt 69.35 triệu đơn vị, trị giá 635.31 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 25 cổ phiếu tăng giá, 2 cổ phiếu đứng giá và duy nhất một mã giảm giá là PVR. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVC (tăng 6,94%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng tới 3,97% và tổng khối lượng giao dịch đạt 24,00 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 19/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và Phát triển Gas Đô thị	5,700.0	4,100	↔ 0.00	0.50	15.41	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,700.0	30,400	↑ 5.71	0.36	33.64	HNX
3	PFL	Công ty cổ phần Dầu khí Đông Đô	5,200.0	492,800	↑ 6.12	0.30	0.51	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	22,300.0	1,075,000	↑ 6.70	1.83	1.48	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	10,200.0	182,800	↑ 6.25	0.95	6.46	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	-	↔ 0.00	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	5,200.0	297,600	↑ 6.12	0.51	N/A	HNX
8	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	15,400.0	390,944	↑ 6.94	0.92	2.30	HNX
9	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí-CTCP	11,500.0	87,750	↑ 4.55	2.01	5.25	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	11,800.0	769,600	↑ 6.31	0.76	8.49	HNX
11	PVI	Công ty Cổ phần PVI	16,900.0	23,400	↑ 1.81	0.72	8.54	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5,600.0	9,900	↓ -1.75	0.54	2.63	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	16,300.0	1,261,800	↑ 3.82	1.38	4.36	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9,800.0	11,513,914	↑ 6.52	0.43	3.68	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	40,100.0	1,119,250	↑ 4.43	3.24	12.85	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	37,100.0	1,253,170	↑ 4.80	2.22	5.99	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	27,600.0	95,430	↑ 4.15	1.27	3.36	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,500.0	69,140	↑ 2.74	0.64	5.47	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,700.0	387,340	↑ 4.10	0.72	3.13	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	34,400.0	18,270	↑ 2.38	1.68	4.86	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,900.0	331,700	↑ 2.08	0.48	3.80	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	36,000.0	128,230	↑ 4.35	1.22	7.07	HSX
23	PVF	Tổng Công ty Tài Chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	13,300.0	3,112,090	↑ 4.72	1.17	16.84	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,600.0	882,940	↑ 1.82	0.57	50.91	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	6,400.0	137,740	↑ 4.92	0.61	4.27	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6,000.0	43,010	↑ 3.45	0.54	3.13	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	11,300.0	197,550	↑ 4.63	0.85	3.39	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	6,100.0	84,220	↑ 3.39	0.56	4.01	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	↔ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	↔ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	↔ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
BVH	43,600	45,700	4.82	80,017,212
SSI	20,900	21,900	4.78	58,861,709
DPM	35,400	37,100	4.80	45,927,621
HAG	29,700	31,100	4.71	41,322,640
PVF	12,700	13,300	4.72	40,951,416

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	9,200	9,800	6.52	109,774
VND	10,700	11,400	6.54	67,770
KLS	9,600	10,200	6.25	54,946
SCR	10,200	10,900	6.86	33,683
PGS	20,900	22,300	6.70	23,332

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,700	1,800	100	5.88
VES	1,900	2,000	100	5.26
SAM	8,000	8,400	400	5.00
THG	10,000	10,500	500	5.00
IDI	8,100	8,500	400	4.94

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
PGT	4,300	4,600	300	6.98
SD4	4,300	4,600	300	6.98
AVS	4,300	4,600	300	6.98
HLC	11,500	12,300	800	6.96
HDO	11,500	12,300	800	6.96

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SGT	6,200	5,900	-300	-4.84
HLG	9,300	8,900	-400	-4.30
CMV	17,000	16,300	-700	-4.12
NSC	39,700	38,100	-1,600	-4.03
NAV	7,500	7,200	-300	-4.00

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
NHC	24,500	22,800	-1,700	-6.94
GLT	20,500	19,100	-1,400	-6.83
SCC	4,400	4,100	-300	-6.82
CT6	9,000	8,400	-600	-6.67
SDG	32,100	30,000	-2,100	-6.54

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
GAS	39,211	BVH	66,692
HAG	25,217	VNM	7,418
BVH	11,918	FPT	5,395
VNM	7,418	HPG	4,990
VIC	6,209	VCB	4,248

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	11,167	VND	2,675
DHL	2,496	PVS	2,138
PVS	1,922	BVS	1,816
PVX	652	AAA	1,066
DBC	567	PGS	970

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



PSI

Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339